

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

CHÁNH THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh Khánh Hòa và Công văn số 8446/UBND-TH ngày 3/7/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về đính chính Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của các cơ quan đơn vị thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-TTT ngày 03/12/2024 của Thanh tra tỉnh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Thanh tra tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024 của Thanh tra tỉnh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- KBNN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT TTT (công khai);
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH THANH TRA

Tạ Hồng Quang

Biểu số 02 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Thanh tra tỉnh, tỉnh Khánh Hòa (1040021)
Chương: 437

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số 294 /QĐ-TTT ngày 03/12/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Đvt: đồng		
STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	2.083.833.000
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.083.833.000
	Kinh phí triển khai đoàn thanh tra chuyên đề trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	354.940.000
	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024	298.000.000
	Kinh phí tổ chức đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	256.755.000
	Kinh phí xác minh tài sản, thu nhập năm 2024	395.398.000
	Kinh phí nhóm giúp việc cho Tổ công tác theo Quyết định số 666-QĐ/TU ngày 15/11/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa	634.720.000
	Kinh phí hỗ trợ hoạt động tiếp dân, xử lý đơn năm 2024	144.020.000
1.3	Nguồn thu sau thanh tra	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
3.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	

6.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0
9.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kính phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kính phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0